

Một số hạn chế, vướng mắc trong quy định về xóa án tích và kiến nghị hoàn thiện

16/12/2025 08:19

NGUYỄN ĐÌNH DŨNG (Chánh án TAND Khu vực 1 - Khánh Hòa)

NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂM (Thẩm phán TAND Khu vực 1 - Khánh Hòa)

Bài viết phân tích những hạn chế, vướng mắc trong quy định của pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự về xóa án tích đối với người phạm tội, pháp nhân thương mại phạm tội. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số kiến nghị tương ứng nhằm khắc phục các hạn chế, vướng mắc này.

Đặt vấn đề

Xóa án tích là một trong các chế định quan trọng của pháp luật Việt Nam. Pháp luật Việt Nam đã quy định khá đầy đủ về chế định xóa tích trong Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 (BLHS 2015) và Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024, sửa đổi, bổ sung năm 2025 (Luật TPNCTN 2024) và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021 và năm 2025 (BLTTHS 2015). Các quy định về xóa án tích trong luật hình sự Việt Nam đã thể hiện bước phát triển mới trong lĩnh vực lập pháp khi có đã có nhiều sự sửa đổi, bổ sung mới quan trọng và khắc phục được những hạn chế trong các quy định trước đây. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm thì các quy định về xóa án tích vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, vướng mắc cần được tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện như sau:

1. Hạn chế, vướng mắc trong quy định về điều kiện “chấp hành xong các quyết định khác của bản án” để được xóa án tích tại khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015 và kiến nghị hoàn thiện

Theo khoản 2 Điều 70 BLHS năm 2015, người bị kết án đương nhiên được xóa án tích, nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo, người đó đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, *các quyết định khác* của bản án và không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn quy định.

Theo khoản 2 Điều 70 BLHS năm 2015, để được xóa án tích, việc chấp hành xong hình phạt chính hoặc thời gian thử thách của án treo là “điều kiện cần” để một người được xóa án tích, vì khi đó khoảng thời gian được tính để xóa án tích sẽ bắt đầu được tính. Đồng thời, người bị kết án phải không thực hiện hành vi phạm tội mới trong khoảng thời gian

quy định. Bên cạnh đó, người bị kết án còn phải đáp ứng được “điều kiện đủ” là “*họ phải chấp hành xong hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án*”. Khi và chỉ khi người bị kết án chấp hành xong “điều kiện đủ” này thì họ mới được xóa án tích, dù cho thời hạn được tính để xóa án tích đã kết thúc từ trước đó.

Tại Công văn số 154B/TANDTC-PC ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới Quốc hội trước kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV, với nội dung: “Các quyết định khác của bản án” quy định tại khoản 2 Điều 70 BLHS năm 2015 được hiểu là các quyết định về biện pháp tư pháp áp dụng đối với bị cáo, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, án phí, xử lý vật chứng, tài sản bị kê biên, tài khoản bị phong tỏa,... được quy định trong BLTTHS. Trên thực tế, việc thi hành các “*các quyết định khác của bản án*” như sau:

- Đối với các quyết định thi hành án chủ động (như án phí, tiền phạt,...) quá trình thi hành án sẽ được Cơ quan Thi hành án dân sự (THADS) chủ động tiến hành theo trình tự, thủ tục quy định. Cụ thể, theo Điều 36 Luật THADS năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2015, 2018, 2022 (Luật THADS 2008) thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản án, Thủ trưởng cơ quan THADS chủ động ra quyết định thi hành án. Người bị kết án phải tự nguyện thi hành án trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án. Quá thời hạn này, cơ quan thi hành án sẽ tiến hành xác minh điều kiện thi hành án, nếu người bị kết án có điều kiện thi hành án nhưng không tự nguyện thi hành thì sẽ bị cưỡng chế. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp sẽ căn cứ vào dữ liệu quản lý thi hành án và thông tin về việc thi hành án của người bị kết án để cập nhật thông tin tình hình án tích.

- Đối với các khoản tiền thi hành án theo yêu cầu (như tiền cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại,...), do nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự là tôn trọng quyền tự định đoạt của các bên nên Cơ quan THADS chỉ ra quyết định thi hành án nếu nhận được yêu cầu của đương sự (sau đây gọi là người được bồi thường) hoặc đại diện hợp pháp của họ. Thời hiệu yêu cầu thi hành án là 05 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật^[1].

Do đó, trên thực tế sẽ phát sinh trường hợp người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt chính hoặc thời gian thử thách của án treo, không phạm tội mới trong thời hạn tại khoản 2 Điều 70 BLHS năm 2015, đã chấp hành xong các quyết định khác của bản án nhưng lại chưa thi hành khoản tiền bồi thường thiệt hại do người được bồi thường không có đơn yêu cầu thi hành án và tính đến hiện tại đã hết thời hiệu thi hành án. Trong trường hợp này, câu hỏi được đặt ra là như vậy, người bị kết án có được đương nhiên xóa án tích hay không? Khi mà về mặt thực tế, người bị kết án vẫn chưa chấp hành xong các quyết định khác của

bản án, trong khi hiện tại đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án nên Cơ quan THADS sẽ không tổ chức thi hành án đối với khoản bồi thường đó.

Về vấn đề này, khoản 6 Điều 4 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THADS quy định: “*Trường hợp phạm nhân là người phải thi hành án, thân nhân của họ hoặc người được họ ủy quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện nộp tiền, tài sản thi hành án khi đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự không ra quyết định khôi phục thời hiệu yêu cầu thi hành án. Trường hợp này, cơ quan thi hành án dân sự chỉ ra quyết định thi hành án tương ứng với khoản tiền, tài sản họ tự nguyện nộp...*”. Đồng thời, theo Công văn số 648/TCTHADS-NV2 ngày 03/3/2020 của Tổng cục THADS hướng dẫn phải thực hiện khoản 6 Điều 4 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP nêu trên để đảm bảo quyền và lợi ích cho đương sự khi thời hiệu thi hành án đã hết, mà người được thi hành án không có đơn yêu cầu và khi đó mới đủ điều kiện để xem là đương nhiên xóa án tích.

Liên quan đến nội dung này, Trung tâm Lý lịch tư pháp Quốc gia thuộc Bộ Tư pháp đã ban hành Công văn số 111/TTLTPQG-HCTH về “*Hướng dẫn nghiệp vụ cấp phiếu lý lịch tư pháp*” cũng yêu cầu thực hiện theo Công văn số 648/TCTHADS-NV2 ngày 03/3/2020 của Tổng cục THADS.

Mặt khác, khoản 5 Điều 3 Luật THADS 2008 quy định: “*Thời hiệu yêu cầu thi hành án là thời hạn mà người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thi hành án; hết thời hạn đó thì mất quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thi hành án theo quy định của Luật này*”. Như vậy, quy định này chỉ rõ nếu hết thời hạn yêu cầu thì người được thi hành án sẽ mất quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thi hành án, chứ không xem là người phải thi hành án đương nhiên đã chấp hành xong.

Hơn nữa, BLHS năm 2015 không quy định trường hợp loại trừ việc người bị kết án chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án với bất kỳ lý do nào. Do vậy, người bị kết án nếu hết thời hiệu THADS mà chưa thực hiện xong nghĩa vụ thì cũng được coi là chưa thực hiện xong nghĩa vụ, chưa chấp hành xong các quyết định khác của bản án.

Căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành đã phân tích nêu trên, trong trường hợp này, người bị kết án không đương nhiên được xóa án tích theo quy định tại Điều 70 BLHS năm 2015.

Theo tác giả, quy định tại Điều 70 BLHS năm 2015 và hướng dẫn của TANDTC về việc xóa án tích tại Công văn số 154B/TANDTC-PC như trên là chưa bao quát hết các trường

hợp, bởi án tích được coi là một trong các hình thức của trách nhiệm hình sự[2]. Vì vậy, khi người bị kết án đã thực hiện xong trách nhiệm hình sự (TNHS) đối với hành vi phạm tội của họ như chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung hoặc hết thời gian thử thách án treo, sau một thời hạn luật định mà không phạm tội mới thì người đó đương nhiên được xóa án tích. Việc thực hiện các quyết định khác của bản án như bồi thường thiệt hại cho bị hại, các quyết định về tài sản chỉ đơn thuần là trách nhiệm dân sự của người bị kết án. Do đó, không nên xem trách nhiệm dân sự ngang bằng với TNHS đối với người bị kết án, vì việc xem xét giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự không phải là chức năng chính của tố tụng hình sự.

Thực tiễn hiện nay đang thực hiện theo đúng hướng dẫn của TANDTC đối với việc xem xét xóa án tích, tức là, một người bị kết án khi thi hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung,... mà chưa đóng án phí hoặc chưa bồi thường thiệt hại cho bị hại theo quyết định của bản án, thì họ chưa được xóa án tích. Quy định như vậy là rất bất lợi cho người bị kết án vì trong nhiều trường hợp việc họ chưa chấp hành các quyết định khác của bản án hoặc chưa bồi thường thiệt hại không phải do nguyên nhân xuất phát từ bản thân họ mà từ các lý do khách quan khác nhau như: sau khi chấp hành hình phạt tù người bị kết án không thể tìm được bị hại (có thể do bị hại đã chết, bị hại không còn sinh sống tại địa chỉ cũ hoặc đã định cư ở nước ngoài...), hoặc số tiền bồi thường thiệt hại là quá lớn so với tài sản và thu nhập mà họ có được,.. khiến người bị kết án không thể thực hiện hoặc không thực hiện được đầy đủ trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại. Thậm chí có trường hợp, bản án chưa được thi hành phần hình phạt bổ sung, phần án phí là do Cơ quan THADS chưa nhận được bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án cho nên không thể ra quyết định thi hành án đối với phần hình phạt bổ sung, phần đóng án phí của người bị kết án hoặc không thông báo cho người bị kết án biết[3]. Do đó, người bị kết án không thực hiện được việc đóng án phí, không thực hiện các quyết định khác của bản án. Đây không phải lỗi của người bị kết án nhưng hậu quả pháp lý lại làm cho người bị kết án lâm vào tình trạng bất lợi khi không được xóa án tích.

Từ những phân tích trên, tác giả kiến nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn quy định **“chấp hành xong các quyết định của bản án”** để bảo đảm áp dụng thống nhất trong thực tiễn xét xử. Văn bản hướng dẫn này cần được xây dựng dựa trên cơ sở kế thừa và phát triển nội dung tại Công văn số 154B/TANDTC-PC ngày 11/8/2023, đồng thời quy định rõ cách thức xác định điều kiện xóa án tích trong các trường hợp nghĩa vụ dân sự hoặc nghĩa vụ nộp án phí chưa được thi hành do người được thi hành án không có yêu cầu, đã hết thời hạn yêu cầu thi hành án hoặc các nguyên nhân khách quan không xuất phát từ lỗi của người bị kết án.

Việc ban hành văn bản hướng dẫn bổ sung sẽ góp phần khắc phục những bất cập hiện nay nhằm đảm bảo áp dụng thống nhất pháp luật về xóa án tích trong thực tiễn xét xử và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kết án trong quá trình tái hòa nhập cộng đồng.

2. Hạn chế, vướng mắc đối với việc xác định thời hạn xóa án tích trong trường hợp phạm nhiều tội và kiến nghị hoàn thiện

BLHS năm 2015 chưa có quy định về việc, người bị kết án trong trường hợp phạm nhiều tội thì thời hạn xóa án tích được tính với tội nào, đối với từng tội hay tính đối với bản án sau khi đã được tổng hợp. Do đó, về vấn đề này hiện vẫn đang còn nhiều quan điểm khác nhau và áp dụng chưa thống nhất trong thực tiễn. Cụ thể:[\[4\]](#)

Quan điểm thứ nhất cho rằng, thời hạn xóa án tích đối với người bị kết án phạm nhiều tội trong trường hợp tổng hợp hình phạt sẽ được xác định theo tội danh và hình phạt cụ thể của từng tội danh.

Quan điểm thứ hai lại cho rằng, thời hạn xóa án tích đối với người bị kết án phạm nhiều tội trong trường hợp tổng hợp hình phạt được xác định theo bản án sau khi đã tổng hợp hình phạt của tất cả các tội danh.

Việc xác định người chấp hành án được xóa án tích tại thời điểm nào là vô cùng quan trọng, ảnh hưởng rất lớn đến bản thân người chấp hành án. Bởi việc một người bị kết án, chưa được xóa án tích có thể sẽ là một trong các điều kiện để xác định tội phạm (xác định một người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật có phạm tội hay không phạm tội), hoặc việc bị kết án mà chưa được xóa án tích cũng là một trong các điều kiện tiên quyết để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm - là các dấu hiệu định khung tăng nặng hoặc là tình tiết tăng nặng TNHS tại Điều 52 BLHS năm 2015[\[5\]](#).

Về vấn đề này, tác giả cho rằng, quan điểm thứ nhất là phù hợp và đúng theo tinh thần của quy định về xóa án tích trong pháp luật hình sự. Điều này là vì án tích là hậu quả pháp lý bất lợi kéo dài của TNHS. Vì vậy, việc xóa án tích phải đặt trong mối liên quan về việc phải chịu TNHS của người bị kết án. Do đó, trong trường hợp người bị kết án phạm nhiều tội thì TNHS của họ đối với từng tội danh cụ thể như thế nào sẽ là căn cứ để xác định thời hạn xóa án tích tương ứng. Còn việc tổng hợp hình phạt chỉ là biện pháp mang tính kỹ thuật nhằm tạo điều kiện cho người bị kết án thi hành tất cả các hình phạt của các tội danh trong một thời gian nối tiếp nhau, mang tính liên tục và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành án của người bị kết án.

Do đó, tác giả kiến nghị, khoản 3 Điều 73 BLHS năm 2015 cần quy định bổ sung thêm nội dung sau đây để bảo đảm quyền lợi của người bị kết án cũng như sự thống nhất trong thực tiễn áp dụng pháp luật: “*Thời hạn chấp hành xong hình phạt chính để xóa án tích đối với*

người bị kết trong trường hợp phạm nhiều tội sẽ được xác định theo từng tội danh và hình phạt cụ thể của từng tội danh”.

3. Hạn chế, vướng mắc trong quy định về xóa án tích đối với pháp nhân thương mại phạm tội và kiến nghị hoàn thiện

Quy định về xóa án tích đối với pháp nhân thương mại tại Điều 89 BLHS năm 2015 cho thấy còn có một số hạn chế, vướng mắc như sau:

Thứ nhất, về các trường hợp được coi là không có án tích:

Đối với người phạm tội bị kết án, pháp luật hình sự Việt Nam đều có quy định về các trường hợp không có án tích. Cụ thể, đối với người phạm tội nói chung, khoản 2 Điều 69 BLHS năm 2015 quy định: *“Người bị kết án do lỗi vô ý về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và người được miễn hình phạt không bị coi là có án tích”*. Đồng thời, đối với người chưa thành niên phạm tội, Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024 cũng quy định các trường hợp người chưa thành niên phạm tội bị kết án nhưng không có án tích tại khoản 1 Điều 127. Tuy nhiên, điều này lại không được quy định đối với pháp nhân thương mại. Đây là điểm chưa hợp lý, thể hiện sự thiếu công bằng, khách quan giữa các chủ thể phạm tội, chưa phù hợp với nguyên tắc xử lý khoan hồng, nhân đạo đối với pháp nhân thương mại tại điểm d khoản 2 Điều 3 BLHS năm 2015. Trong khi đó, tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm do pháp nhân thương mại thực hiện cũng có nhiều mức độ khác nhau cũng như pháp nhân thương mại cũng có thể được áp dụng biện pháp “miễn hình phạt” quy định tại Điều 88 BLHS năm 2015 tương tự như người phạm tội.

Thứ hai, về thời hạn và điều kiện để được xóa án tích:

Một là, BLHS năm 2015 chỉ quy định thời hạn xóa án tích đối với pháp nhân thương mại chung cho mọi trường hợp bị kết án là *“02 năm”* mà không phân biệt căn cứ vào loại và mức hình phạt chính như đối với người phạm tội. Điều này là không phù hợp vì theo khoản 1 Điều 33 BLHS năm 2015, hình phạt chính áp dụng đối với pháp nhân thương mại không chỉ có hình phạt tiền, đình chỉ hoạt động có thời hạn, mà còn có cả hình phạt nghiêm khắc như đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. Trường hợp pháp nhân thương mại bị áp dụng hình phạt chính là đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, thì việc quy định thời hạn xóa án tích như Điều 89 là không có ý nghĩa.

Hai là, khác với Điều 70 và khoản 1 Điều 73 BLHS năm 2015, thời hạn để xóa án tích đối với cá nhân người phạm tội được tính căn cứ vào thời điểm người bị kết án chấp hành xong hình phạt chính đã tuyên thì Điều 89 BLHS năm 2015 lại quy định thời hạn xóa án tích đối với pháp nhân thương mại được tính kể từ khi chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án. Theo đó, nếu pháp nhân thương mại đã chấp hành

xong hình phạt chính mà chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án thì chưa được bắt đầu tính để xóa án tích. Quy định này là chưa phù hợp, ảnh hưởng đến quyền lợi của pháp nhân thương mại và chưa đảm bảo công bằng, bình đẳng giữa cá nhân và pháp nhân phạm tội.

Ba là, đối với trường hợp pháp nhân có nghĩa vụ chấp hành hình phạt bổ sung là cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định; cấm huy động vốn theo các Điều 80, 81 BLHS năm 2015, mà thời hạn phải chấp hành hình phạt bổ sung này dài hơn thời hạn 02 năm để được xóa án tích theo quy định tại Điều 89 BLHS thì thời hạn xóa án tích đối với pháp nhân thương mại sẽ chấm dứt vào thời điểm nào. Đây là vấn đề chưa được BLHS năm 2015 quy định.

Bốn là, nếu khoản 2 Điều 73 BLHS năm 2015 có quy định về cách tính thời hạn để xóa án tích trong trường hợp người phạm tội có nhiều bản án thì vấn đề này chưa được quy định đối với pháp nhân thương mại phạm tội. Như vậy, trường hợp trong thời gian chưa được xóa án tích mà pháp nhân thương mại lại thực hiện hành vi phạm tội mới và bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật thì thời hạn xóa án tích đối với pháp nhân phạm tội sẽ như thế nào? Thời hạn để xóa án tích cũ được tính ra sao? Có thể áp dụng tương tự như quy định tại khoản 2 Điều 73 BLHS năm 2015 đối với người phạm tội hay không. Hoặc trong trường hợp pháp nhân thương mại phạm nhiều tội thì tính thế nào. Đây vẫn là khoảng trống pháp lý chưa được quy định trong BLHS năm 2015.

Thứ ba, về trình tự, thủ tục xóa án tích:

Một là, về thủ tục xem xét:

Điều 446 BLTTHS năm 2015 quy định: *“Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của pháp nhân được đương nhiên xóa án tích và xét thấy có đủ điều kiện quy định tại Điều 89 của Bộ luật Hình sự thì Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án cấp giấy chứng nhận pháp nhân đã được xóa án tích”*.

Như vậy, ngoài đơn yêu cầu của pháp nhân thương mại mà pháp luật đã quy định, thì pháp nhân cần cung cấp thêm tài liệu gì chứng minh cho lý do của đơn yêu cầu xóa án tích hay không (như tài liệu thể hiện đã chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án và việc tuân thủ pháp luật sau khi chấp hành xong toàn bộ quyết định của bản án)? Trách nhiệm chứng minh, làm rõ các điều kiện để được xem xét cấp giấy chứng nhận xóa án tích theo Điều 89 BLHS năm 2015 thuộc về chủ thể nào (pháp nhân thương mại có đơn yêu cầu hay Tòa án có thẩm quyền)? Ngoài ra, trong trường hợp nghiên cứu, xem xét đơn và các tài liệu liên quan, nếu xét thấy pháp nhân không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận xóa án tích thì Tòa án có bác đơn yêu cầu xóa án tích không? Hoặc

trường hợp bị bác đơn xóa án tích lần đầu thì sau thời gian bao lâu, pháp nhân thương mại mới có quyền tiếp tục gửi đơn yêu cầu xóa án tích? Còn trường hợp pháp nhân đủ điều kiện được Tòa án cấp giấy chứng nhận đã được xóa án tích thì trong thời hạn bao nhiêu ngày kể từ ngày cấp giấy chứng nhận, Tòa án phải gửi giấy chứng nhận đó cho pháp nhân thương mại có đơn yêu cầu và Tòa án phải gửi giấy chứng nhận đó cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đăng ký kinh doanh, cấp giấy chứng nhận đăng ký, cấp giấy phép hoạt động, giám sát, theo dõi kinh doanh đối với pháp nhân thương mại theo quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Thi hành án hình sự năm 2019?

Hai là, về thời hạn xem xét cấp giấy chứng nhận đã được xóa án tích: Thực tiễn cho thấy, thời hạn “05 ngày” mà BLTTHS năm 2015 quy định cho Tòa án thực hiện các hoạt động, thủ tục để đi đến quyết định cấp giấy chứng nhận pháp nhân đã được xóa án tích là quá ngắn, chưa đáp ứng được quá trình thực hiện các hoạt động trên thực tế của Tòa án, pháp nhân và các cơ quan có liên quan. Bởi lẽ, quá trình thu thập văn bản, tài liệu xác nhận pháp nhân thương mại đã chấp hành xong toàn bộ quyết định của bản án sẽ không tránh khỏi trường hợp pháp nhân hoặc các cơ quan có liên quan chậm cung cấp, xác nhận.

Ba là, về mẫu giấy chứng nhận đã được xóa án tích: Hiện nay, pháp luật vẫn chưa quy định/ban hành mẫu “Giấy chứng nhận pháp nhân thương mại phạm tội đã được xóa án tích”.

Để khắc phục các hạn chế trên, tác giả kiến nghị:

Thứ nhất, Điều 89 BLHS năm 2015 cần quy định bổ sung 01 khoản nằm ở vị trí đầu tiên của điều luật (khoản 1) để quy định về trường hợp được xem là không có án tích đối với pháp nhân thương mại phạm tội: “1. *Pháp nhân thương mại bị kết án nhưng được miễn hình phạt thì không bị coi là có án tích*”.

Thứ hai, Điều 89 BLHS năm 2015 cần được sửa đổi, bổ sung như sau để khắc phục các hạn chế về thời hạn và điều kiện để được xóa án tích:

“Pháp nhân thương mại bị kết án đương nhiên được xóa án tích nếu trong thời hạn 02 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt chính (trừ trường hợp đình chỉ hoạt động vĩnh viễn), hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án mà pháp nhân thương mại không thực hiện hành vi phạm tội mới.

Thời hạn để xóa án tích đối với pháp nhân thương mại bị kết án được căn cứ vào hình phạt chính đã tuyên.

Trường hợp pháp nhân thương mại bị kết án đang chấp hành hình phạt bổ sung là cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định; cấm huy động vốn mà thời

hạn phải chấp hành dài hơn thời hạn đã quy định (02 năm), thì thời hạn đương nhiên được xóa án tích sẽ hết vào thời điểm pháp nhân thương mại đó chấp hành xong hình phạt bổ sung.

Pháp nhân thương mại bị kết án chưa được xóa án tích mà thực hiện hành vi phạm tội mới và bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật thì thời hạn để xóa án tích cũ được tính lại kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính của bản án mới hoặc từ ngày bản án mới hết thời hiệu thi hành”.

Thứ ba, Điều 446 BLTTHS năm 2015 cần được hoàn thiện theo hướng bổ sung thủ tục xem xét xóa án tích đối với pháp nhân thương mại liên quan đến thủ tục xem xét xóa án tích, thời hạn xem xét cấp giấy chứng nhận đã được xóa án tích và sớm ban hành mẫu “Giấy chứng nhận pháp nhân đã được xóa án tích”.

Kết luận

Xóa án tích là một chế định quan trọng của pháp luật Việt Nam xuất phát từ nguyên tắc nhân đạo của luật hình sự Việt Nam và nhằm khuyến khích chủ thể bị kết án chấp hành nghiêm chỉnh bản án và tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật sau khi đã chấp hành xong bản án. Do đó, việc tiếp tục hoàn thiện các quy định về xóa án tích là vấn đề quan trọng và cấp thiết.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025).
2. Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021 và năm 2025).
3. Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).
4. Đỗ Văn Chính, *Xóa án tích đối với việc xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 2/2009.
5. Nguyễn Thị Phương Hoa và Lê Huỳnh Tấn Duy (Chủ biên), *Tư pháp hình sự đối với người chưa thành niên*, Nxb. Công an nhân dân, 2022.
6. Trường Đại học Luật TP.HCM, *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam - Phần Chung* (Tái bản lần thứ nhất, có sửa đổi, bổ sung), Nxb. Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, 2019.
7. Bùi Hải Bằng - Đào Thị Đào, *Vướng mắc khi xác định xóa án tích trong trường hợp đương nhiên*, <https://tapchitoaan.vn/vuong-mac-khi-xac-dinh-xoa-an-tich-trong-truong-hop-duong-nhien9416.html>.

-
- [1] Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.
- [2] Trường Đại học Luật TP.HCM, *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam - Phần Chung (Tái bản lần thứ nhất, có sửa đổi, bổ sung)*, Nxb. Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, 2019, tr.410.
- [3] Bùi Hải Bằng - Đào Thị Đào, *Vướng mắc khi xác định xóa án tích trong trường hợp đương nhiên*, <https://tapchitoaan.vn/vuong-mac-khi-xac-dinh-xoa-an-tich-trong-truong-hop-duong-nhien9416.html>, truy cập ngày 10/8/2025.
- [4] Nguyễn Thị Phương Hoa và Lê Huỳnh Tấn Duy (Chủ biên), *Tư pháp hình sự đối với người chưa thành niên*, Nxb. Công an nhân dân, 2022, tr.357-375.
- [5] Đỗ Văn Chính, *Xóa án tích đối với việc xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 2/2009.